

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80 /2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2010

## **THÔNG TƯ**

**Chi tiết mã số và sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi một số mặt hàng thuộc nhóm 1104 tại Thông tư 216/2009/TT-BTC ngày 12/11/2009**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007;

Căn cứ Nghị quyết số 830/2009/UBTV12 ngày 17/10/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 và Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 1104 như sau:

### **Điều 1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.**

Chi tiết mã số và sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng thuộc các nhóm 1104 qui định tại Thông tư số 216/2009/TT-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính về việc qui định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới qui định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành.**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCDTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**



**DANH MỤC MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU  
MỘT SỐ MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80 /2010/TT-BTC*

*Ngày 28/5/2010 của Bộ Tài chính)*

Mã số				Mô tả hàng hoá	TS dự kiến điều chỉnh
11.04				Ngũ cốc được chế biến theo cách khác (ví dụ, xát vỏ, xay, vỡ mảnh, nghiền vụn, cắt lát hoặc nghiền thô), trừ gạo thuộc nhóm 10.06; mầm ngũ cốc nguyên dạng, xay, vỡ mảnh hoặc nghiền.	
				- Ngũ cốc xay hoặc vỡ mảnh:	
1104	12	00	00	- - <i>Của yến mạch</i>	15
1104	19			- - Cửa ngũ cốc khác:	
1104	19	10	00	- - - Cửa ngô	5
1104	19	90		- - - <i>Loại khác:</i>	
				- - - - <i>Của lúa mì:</i>	
1104	19	90	11	- - - - - <i>Dùng làm thức ăn chăn nuôi</i>	0
1104	19	90	19	- - - - - <i>Loại khác</i>	5
1104	19	90	90	- - - - <i>Loại khác</i>	15
				- Ngũ cốc đã chế biến cách khác (ví dụ, xát vỏ, nghiền vụn, cắt lát hoặc nghiền thô):	
1104	22	00	00	- - <i>Của yến mạch</i>	15
1104	23	00	00	- - Cửa ngô	5
1104	29			- - Cửa ngũ cốc khác:	
1104	29	20	00	- - - <i>Của lúa mạch</i>	15
1104	29	90		- - - <i>Loại khác:</i>	
				- - - - <i>Của lúa mì:</i>	
1104	29	90	11	- - - - - <i>Dùng làm thức ăn chăn nuôi</i>	0
1104	29	90	19	- - - - - <i>Loại khác</i>	5
1104	29	90	90	- - - - <i>Loại khác</i>	15
1104	30	00	00	- <i>Mầm ngũ cốc, nguyên dạng, xay mảnh lát, hoặc nghiền</i>	15